

Bản án số: 115/2021/HS-ST
Ngày 09-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nghi
2. Bà Phạm Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2021/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1996, tại xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ, con; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03-08-2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thái Bình, được trích xuất - có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Thành L, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1994, tại xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Nhân thân: Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 9 năm 2012 đến tháng 7 năm 2014 xuất ngũ. Ngày 02-02-2016, bị Tòa án nhân dân

huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã nộp phạt, án phí và tiền phạt ngày 18-3-2016, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13-5-2017 (đã được xoá án tích). Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08-9-2021, hiện đang tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình (có mặt).

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn T2, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

* **Người làm chứng:**

1. Anh Trần Văn M, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn M1, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 04-7-2021, Nguyễn Văn H, Nguyễn Xuân H1, Nguyễn Văn Đ và Phạm Thành L đi chơi về muộn nên đến chỗ nhà trọ anh Trần Văn M thuê ở tổ dân phố Đ 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình ngủ nhờ. Sau đó, H có đi ra khu vực nhà vệ sinh phía sau nhà trọ và nhìn thấy 03 chiếc mô tô được gắn trên 03 máy trộn bê tông xộp của chị Nguyễn Thị Thu T (chủ nhà trọ) để ở phía sau nhà trọ và che phủ bằng tấm bạt màu xanh, trắng, đỏ. Sáng hôm sau, (ngày 05-7-2021) H, H1, Đ, L ngủ dậy và đi đến phòng trọ của anh Tạ Quang H3 là bạn thuê ở tổ dân phố Đ 1 chơi và ngủ tại đó. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 06-7-2021, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản đã nhìn thấy tại nhà trọ của anh M trước đó. H thuê xe ôm đi về nhà ở xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình lấy 01 chiếc cờ lê, 01 dây co đem theo và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Win màu đen, BKS 17M1-1821 của ông Nguyễn Văn T2 (bố đẻ của H) đến phòng trọ của anh M. Quan sát thấy cổng không khóa, cửa phòng không khép, không có người trông coi, H đi vào bên trong dùng cờ lê tháo 02 chiếc mô tô điện có vỏ bằng kim loại, lõi đồng, nhãn hiệu MQ, màu xám, loại 3 KW từ máy tời và máy trộn bê tông. Sau khi tháo được 02 chiếc mô tô trên, H đem ra để lên yên xe,

dùng dây có sẵn ở xe buộc cố định và chở đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1974, ở thôn T2, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình bán cho anh S với giá là 1.800.000 đồng (900.000 đồng/1 chiếc). Số tiền trên H đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng 08 giờ cùng ngày H một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Win, màu đen, BKS 17M1-182 đến phòng trọ của anh M, dùng cờ lên tháo 01 mô tơ vỏ bằng kim loại, lõi đồng, nhãn hiệu MQ, loại 3 KW gắn trên chiếc máy trộn bê tông xộp của chị Thuỷ nhưng không tháo được nên H có ý định trộm cắp luôn chiếc máy trộn bê tông xộp nói trên. Do máy trộn bê tông có gắn mô tơ nặng, một mình H không đưa được lên xe, H đi sang phòng trọ của anh Hiệp gặp và nhờ L đến giúp khiêng máy lên xe, biết đó là tài sản H đang trộm cắp, L vẫn đồng ý. H điều khiển xe chở L đi đến phòng trọ của anh M, L và H cùng nhau khiêng chiếc máy trộn bê tông xộp có gắn mô tơ để lên yên xe. H điều khiển xe mô tô chở L ngồi phía sau ôm chiếc máy trộn bê tông trên đến quán thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1974, ở thôn T2, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình bán với giá là 900.000 đồng. Sau đó, H cùng L chi tiêu hết số tiền 200.000 đồng, số tiền còn lại H đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 34/KLĐG ngày 03-8-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: 02 chiếc mô tơ vỏ bằng kim loại, lõi đồng, nhãn hiệu MQ, màu xám, loại 3kw đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 2.000.000 đồng; 01 máy trộn bê tông xộp có gắn chiếc mô tô vỏ bằng kim loại, lõi đồng, nhãn hiệu MQ, màu xám, loại 3kw đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 2.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 4.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số 115/CT-KSHH, ngày 18-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Thành L và về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Thành L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án và nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Bị hại chị Trần Thị T khai: Vào sáng ngày 06-7-2021, gia đình chị bị mất trộm 03 chiếc mô tơ do bị cáo H và L trộm cắp. Đến nay chị đã nhận lại 3 chiếc mô tơ này (do chị phải chuộc lại từ gia đình anh S ở xã M thu mua đồng nát với giá là 2.000.000 đồng) nên chị yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho chị số tiền 2.000.000 đồng, vì số tiền bán được tài sản trộm cắp bị cáo H không chia cho bị cáo L nên mặc dù bị cáo L có cùng với bị cáo H trộm cắp 01 chiếc mô tơ của gia

đình chị nhưng chị không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền trên cho chị. Đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H khẳng định quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Thành L như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Thành L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 03-08-2021. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thành L từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Về trách nhiệm bồi thường: Anh S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo L và bị cáo H bồi thường cho anh khoản tiền nào nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện nguyện thỏa thỏa của bị cáo H và bị hại chị T về việc bị cáo H tự nguyện bồi thường cho chị T số tiền 2.000.000 đồng, chị T không yêu cầu bị cáo H và L phải bồi thường thêm cho chị khoản tiền nào khác; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì

vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Thành L tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn đề nghị và lời khai của bị hại chị Nguyễn Thị Thu T; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh vật chứng do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Thái Bình lập ngày 03-8-2021; Bản kết luận định giá tài sản số 34/KLĐG ngày 03-8-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, tỉnh Thái Bình; Biên bản tạm giữ 02 mô tơ điện, 01 bộ máy trộn bê tông xộp có gắn 01 mô tơ điện do Công an huyện H lập ngày 03-8-2021; Biên bản nhận dạng và bản ảnh nhận dạng do Công an huyện H, tỉnh Thái Bình lập ngày 05-9-2021; Lời khai của những người làm chứng anh Trần Văn M, anh Nguyễn Xuân H1, anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Xuân M; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S cùng các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 06-7-2021, tại nhà cho thuê trọ của chị Nguyễn Thị Thu T ở tổ dân phố Đ 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Bị cáo Nguyễn Văn H có hành vi trộm cắp 02 chiếc mô tơ vỏ bằng kim loại, lõi đồng, nhãn hiệu MQ, màu xám, loại 3kw trị giá 2.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu T. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Phạm Thành L có hành vi trộm cắp 01 máy trộn bê tông xộp có gắn chiếc mô tơ vỏ bằng kim loại, lõi đồng, nhãn hiệu MQ, màu xám, loại 3kw trị giá 2.500.000 đồng của chị T. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm xâm hại có giá trị thành tiền là 4.500.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Thành L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Điều luật quy định như sau:

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Thành L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về vai trò đồng phạm: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, đối với hành vi trộm cắp 01 máy trộn bê tông xộp có gắn chiếc mô tô vỏ bằng kim loại, lõi đồng, nhãn hiệu MQ, màu xám, loại 3kw trị giá 2.500.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn H cùng với Phạm Thành L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo H là người khởi xướng đồng thời là người thực hành nên xếp vai trò thứ nhất, bị cáo L có vai trò giúp sức nên xếp vai trò sau bị cáo H trong vụ án.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi trộm cắp tài sản mà các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Thành L thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây ảnh hưởng đến trật tự trị an khu vực xảy ra tội phạm.

[6] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo H có nhân thân tốt, bị cáo L có nhân thân xấu. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, nên được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo H thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản, mỗi hành vi đều trên 2.000.000 đồng nên bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ những nhận xét trên, HĐXX cần phải áp dụng hình phạt tù theo quy định của khung hình phạt, tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi cuộc sống ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và có tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Cả hai bị cáo đều làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Win màu đen, BKS 17M1-1821 của ông Nguyễn Văn T2 (bố đẻ của bị cáo H), chiếc xe này bị cáo sử dụng làm phương tiện vận chuyển tài sản trộm cắp. Tuy nhiên trong quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là tài sản thuộc sở hữu của ông T2, khi bị cáo sử dụng chiếc xe này ông T2 không biết bị cáo mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe mô tô này và không xử lý đối với ông T2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm bồi thường: Đối với 02 chiếc mô tô vỏ bằng kim loại, lõi đồng, nhãn hiệu MQ, màu xám, loại 3kw đã qua sử dụng; 01 máy trộn bê tông xộp có gắn chiếc mô tô vỏ bằng kim loại, lõi đồng, nhãn hiệu MQ, màu xám, loại 3kw đã qua sử dụng, kết quả điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tài sản trên cho chị T là đúng quy định của pháp luật.

Bị hại chị T đã nhận lại tài sản trên, chị T khai chị phải chuộc lại từ anh S 03 chiếc mô tô với số tiền 2.000.000 đồng nên chị yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho chị 2.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo L bồi thường, ngoài ra chị không yêu cầu các bị cáo H và L phải bồi thường khoản tiền nào khác; tại phiên tòa bị cáo H nhất trí bồi thường cho chị T số tiền này, xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo và bị hại nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

Anh Nguyễn Văn S là người đã mua 02 chiếc mô tô và 01 máy trộn bê tông xộp có gắn chiếc mô tô là tài sản của các bị cáo H và L trộm cắp với số tiền 2.700.000 đồng, anh S không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Thành L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 03-8-2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thành L 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm bồi thường: Ghi nhận sự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Nguyễn Văn H với bị hại chị Nguyễn Thị Thu T về việc bị cáo tự nguyện bồi thường cho chị T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), chị T không yêu cầu các bị cáo H và L phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Thành L.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện H;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích T

